HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ THÁI LAN

NGUYỄN VĂN KIM*

Nằm ở phía Tây Nam của bán đảo Đông Nam Á, vương quốc Thái Lan vừa gắn với lục địa châu Á vừa hòa nhập với môi trường kinh tế biển Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Từ những thế kỷ đầu sau Công nguyên, một số quốc gia hình thành trên lãnh thổ Thái Lạn hiện nay đã có mối liên hệ sớm với khu vực Đông Á, Tây Nam Á cùng nhiều trung tâm kinh tế, văn hóa xa xôi khác. *Vị trí địa lý giữa hai đại dương, sự kết nối của biển với lục địa cùng các dòng thiên di, các mối quan hệ rộng mở, đa dạng, đa chiều... đã tạo nên bản tính năng động, không ngừng biến đổi và khả năng thích ứng cao của con người, xã hội, văn hoá Thái.*

Hoà nhập với sự phát triển chung của các vương quốc cổ hình thành trên quần đảo Indônêxia, Malaixia cũng như Đông Nam Á bán đảo, các tộc người chủ yếu nói ngôn ngữ tiền Khmer và Mộn thuộc ngữ hệ Nam Á (*Austroasiatic languages*), đã lập nên vương quốc của mình. Có thể kể đến Dvaravati (TK VI-XII), Lavo (VII-1388), Sukhothay (1238-1438), Lanna (1269-1774)... Nhìn chung, các vương quốc đó đều sớm có tầm nhìn hướng biển và truyền thống khai thác biển.

Với mục tiêu cố gắng phác dựng những nét cơ bản về quan hệ giao thương của Thái Lan thời cổ trung đại, bài viết muốn hướng đến một cái nhìn tổng thể để từ đó thấy được vị trí kinh tế của Thái Lan, các mối liên hệ khu vực, quốc tế cũng như tiền đề mà hoạt động giao thương truyền thống tạo ra cho sự phát triển của kinh tế Thái đặc biệt là ngoại thương của nước này trong những thế kỷ sau. Về cơ bản, bài viết dừng lại ở cuối thế kỷ XV tức là khi nền kinh tế Thái vẫn chủ yếu hoạt động trong khuôn khổ của Hệ thống thương mại nội Á (*The intra-Asian trading system*), chưa dự nhập, chịu tác động và phải đối chọi với những thách thức kinh tế, xã hội của các tập đoàn thương mại phương Tây.

Từ nhiều thế kỷ TCN, do những hạn chế về khả năng đi biển nên chủ nhân của các vương quốc cổ chưa thể tổ chức các đoàn thuyền lớn, thực hiện những chuyến hải trình xa. Nhưng, do nằm ở vị trí bán đảo nên Thái Lan đã sớm trở thành điểm đến của nhiều đoàn thuyền buôn quốc tế. Các cảng biển ở đây vừa là nơi cung cấp dịch vụ hàng hải vừa là địa điểm trung chuyển hàng hoá giữa các trung tâm nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm của hệ

* PGS.TS Nguyễn Văn Kim, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG HN

thống hải thương Đông Nam Á - Nam Á. Nhìn nhận sự tiếp giao kinh tế theo hướng Bắc - Nam chúng ta thấy, từ thời Hán (203TCN-220) đặc biệt là từ thời Lương (502-557) các đoàn thuyền buôn Trung Hoa cũng ngày một xuất hiện thường xuyên ở vịnh Xiêm (*Siam gulf*) cùng nhiều thị trường Đông Nam Á[1]. *Thông qua các mối quan hệ, giao lưu kinh tế, văn hoá đa dạng đó, các cộng đồng cư dân cổ không chỉ có được các thương phẩm quốc tế, tiếp nhận kỹ thuật chế tác sản phẩm thủ công mà còn tích lũy được tri thức, kinh nghiệm buôn bán. Bên cạnh đó, họ cũng có những nhận thức sớm, tương đối đầy đủ về giá trị của từng nguồn thương phẩm cùng tiềm năng, sức mạnh kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực.*

Các bằng chứng khảo cổ học cho thấy, khoảng 3.000 năm trước, nhiều cộng đồng cư dân sinh sống trên lãnh thổ Thái Lan hiện nay đã có mối liên hệ với Ấn Độ và các quốc gia hải đảo để nhập về chuỗi hạt. Những di vật phát hiện được ở hang Bueng Baeb huyện Khiriat Nikhom, tỉnh Surat Thani cho thấy rõ điều đó. Về sau, trong các di chỉ ở Non Nok Tha, Bản Na Di, Bản Khok thuộc tỉnh Khon Kaen và Bản Chiang... đều cung cấp những bằng chứng tin cậy về mối liên hệ sớm với thế giới bên ngoài. Những hiện vật chế tác bằng đồng phát hiện ở Bản Chiang không chỉ cho thấy mối quan hệ sớm với các trung tâm văn hoá thuộc Đông Nam Á lục địa mà còn thể hiện sự gần gũi trong giao tiếp văn hoá, trao đổi kỹ thuật với các cộng đồng cư dân vùng hải đảo. Nhiều chuỗi hạt thuỷ tinh có niên đại 2.300-1.800 năm BP phát hiện tại các di chỉ đó chứng tỏ chủ nhân của một nền kỹ thuật sớm đã có mối liên hệ mật thiết với vùng Nam Ấn, Trung Cận Đông cũng như Địa Trung Hải, ở U Thong, một đồng tiền La Mã thuộc thời cầm quyền của hoàng đế Victorius cũng đã được phát hiện. Qua giám định, hiện vật quý có niên đại 258-270 SCN. Đến khoảng thế kỷ VII, một số đồng tiền Ba Tư cũng được tìm thấy ở huyện Yarang tỉnh Pattani. Bằng chứng khảo cổ học đã cung cấp nhiều thông tin giá trị về hoạt động của tuyến giao thương này từ thời tiền và sơ sử. Theo quan điểm của nhà khảo cổ, chuyên gia về Đông Nam Á người Anh Ian C. Glover thì: "Khi chúng ta nói, dưới góc độ lịch sử, những mối liên hệ giữa Ấn Độ và Đông Nam Á, điều đầu tiên phải nghĩ đến là vấn đề Ấn Độ hoá (*Indianization*), quá trình phức hợp, mạnh mẽ này có thể được khởi đầu từ đầu Công nguyên đã truyền tải biết bao giá trị văn hoá đến phương Đông thông qua vùng vịnh Bengal"[2].

Mặc dù nhiều học giả tin rằng giữa Ấn Độ và Địa Trung Hải đã sớm có quan hệ giao thương nhưng phải khoảng từ thế kỷ III trở đi thì những mối giao lưu đó mới ngày càng trở nên đậm nét. Các phát hiện khảo cổ học trong 4 thập kỷ qua cũng cho thấy có rất nhiều chuỗi hạt, đồ đồng, con dấu, tiền, lược ngà voi, gốm cùng nhiều loại hiện vật khác đã được đưa đến Đông Nam Á từ Ấn Độ đặc biệt là vùng Đông Nam Ấn. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính các thợ thủ công, thương nhân Ấn Độ, Tây Nam Á vừa là người chế tác các sản phẩm thủ công vừa đóng vai trò chuyển giao các sản phẩm văn hóa của văn minh Địa Trung Hải, Ba Tư đến Đông Á. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, mặc dù mối quan hệ, giao thương quốc tế đã sớm phát triển và phát triển đa dạng nhưng ở một số khu vực tương đối biệt

lập, nơi có các "thánh địa" của Thể chế nông nghiệp (*Agricultural polity*) hay lâm nghiệp (*Silvicultural polity*), thì những tác động khu vực, quốc tế dường như diễn ra rất chậm chạp. Theo đó, một số khu vực như vùng núi phía Bắc Việt Nam, Lào, Đông - Bắc Thái Lan... đã sớm hình thành nên những truyền thống văn hoá riêng biệt. Hoạt động kinh tế ở đây mang tính hướng nội khá điển hình[3]. Ngoài những khu vực đặc thù đó, sự du nhập và cả tiếp nhận, tiếp biến văn hoá ở các vương quốc cổ Thái Lan cũng như của chung khu vực Đông Nam Á là một thực tế không thể phủ nhận.

Vào những thế kỷ trước, sau Công nguyên việc sản xuất, sử dụng đồ đồng ở Thái Lan cũng góp thêm những chứng cứ đáng tin cậy về mối liên hệ mật thiết với các trung tâm văn hoá phía Bắc bán đảo Đông Nam Á với vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Cùng với các tuyến giao thương đường bộ chạy dọc theo bán đảo Mã Lai, cư dân cổ còn có nhiều mối liên hệ bằng đường biển. Từ lâu, các nhà thám hiểm, thương nhân Tây Nam Á đã biết đến xứ *Suvarnabhumi* tức dải "*Đất vàng*". Vùng đất này không chỉ là nơi có nguồn của cải phong phú mà còn là khu vực có truyền thống văn hoá sớm đạt đến trình độ phát triển khá cao. Cư dân xứ "*Đất vàng*" là những người thành thạo kỹ thuật đóng thuyền, chế tác các sản phẩm thủ công và nghệ thuật.

Là một nền văn minh đồng thời là trung tâm kinh tế lớn, Ấn Độ đã sớm có nhiều ảnh hưởng đến các quốc gia khu vực. Quá trình "*Ấn Độ hoá*" ở Đông Nam Á diễn ra từ rất sớm. Nhưng cũng phải thấy rằng, hành trình tiến về phương Đông của các thương nhân, thợ thủ công, nhà truyền giáo Ấn luôn gắn với những huyền thoại về sự giàu có của vùng đất này[4]. Theo cách hiểu của người Ấn và nhiều quốc gia khác ở Tây Á, Ba Tư... thì xứ *Suvarabhumi* hay *Suvarnavipa* (Đảo vàng) đồng nghĩa với những xứ sở chứa đầy tài nguyên quý. Chính mục tiêu kinh tế, hay nói cách khác là nguồn của cải của dải đất phương Đông, đã thôi thúc nhiều nhà thám hiểm, thương nhân... không quản thách thức, hiểm nguy tìm đến Đông Nam Á. Trong tác phẩm Arthasastra viết vào thế kỷ thứ IV, người Ấn đã có nhiều trang mô tả về xứ Java hết sức phong phú nguồn tài nguyên. Theo đó, "Nếu ai đã đến Java thì không thể trở về. Nhưng nếu như có cơ hội trở về thì anh ta có thể đem theo một số lượng của cải đủ để cho bảy thế hệ trong gia đình sinh sống"[5].

Tương tự như vậy, người Trung Hoa cũng đã sớm quan tâm đến các quốc gia khu vực "Nam Dương" (*Nanyo* hay *Nanyang*)[6]. Đến thế kỷ VII, khi viết về Phù Nam, *Lương thư* đã mô tả về một vương quốc ở phương Nam gọi là "*Trường cảnh vương quốc*" (Nước của người cổ dài, chắc hẳn là do tục đeo nhiều lớp vòng bạc?- TG): "Tục ở đó cũng có nhà cửa, quần Áo, ăn cơm gạo. Tiếng nói của người ở đấy có khác Phù Nam chút ít. Có núi sản xuất vàng. Nước vàng toát lên trên đá nhiều vô kể... Quốc vương Phù Nam nhiều lần sai sứ đưa quốc thư và thường được đáp lại bằng cách tặng quốc vương Phù Nam 50 tượng người bằng vàng ròng"[7]. Như vậy, "*Trường cảnh vương quốc*" là một quốc gia giàu có, có mối quan hệ và chịu sự thần thuộc Phù Nam. Mặc dù không thể khẳng định một cách chắc chắn nhưng có thể đoán định rằng vương quốc này chính là *Suvarnabhumi* hay chí ít

cũng có mối liên hệ mật thiết với địa danh huyền thoại đó. Thực tế lịch sử cho thấy, trong suốt nhiều thế kỷ, từ Trung Quốc, Ấn Độ và Tây Á... nhiều chuyến đi đến Đông Nam Á tìm vàng, hương liệu đã được thực hiện.

Trong khi một số tác phẩm văn học Ấn mô tả *Suvarnabhumi* như là vùng đất đem lại nguồn lợi thương mại lớn thì các tác phẩm đó cũng đồng thời nhấn mạnh đến đời sống tôn giáo của xứ sở này. Khi đến vùng "*Đất vàng*" người ta cũng có thể quy y theo Phật. Có ít nhất ba phái bộ truyền giáo là Gavampti, Sona và Uttara đã được nhắc đến trong tác phẩm Sasanavamsappadipika. Trong đó, hai phái bộ sau đã được đích thân hoàng đế Ashoka (273-236 TCN) giao sứ mệnh hoằng dương Phật pháp cho cư dân xứ *Suvarnabhumi* ngay sau đại hội Phật giáo lần thứ ba vào giữa thế kỷ III TCN. Nhiều nguồn tư liệu cho thấy bằng chứng chắc chắn rằng vào giữa TNK thứ nhất, cư dân vùng hạ châu thổ sông Hằng cũng đã có quan hệ với Đông Nam Á qua các tuyến giao lưu trên đất liền và trên biển. Vượt qua vịnh Bengal, thương nhân miền Đông - Nam Ấn đã dùng sản phẩm địa phương để đổi lấy muối, vải, kim loại, gốm của Đông Nam Á. Do những tác động của quan hệ giao thương, nhu cầu sử dụng tiền bạc cũng tăng lên cùng với sự mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo, Bà La Môn giáo và đạo Jaina (*Jainasm*). Từ những mối lợi thương mại, nhiều tuyến giao thương dường dài cũng đã được thiết lập giữa châu thổ sông Hằng với cư dân lưu vực sông Irrawady cũng như các vùng núi cao Đông Nam Á. Nhu cầu nguyên liệu cùng những sản phẩm đặc thù Đông Nam Á đã thúc đẩy sự tăng trưởng mau chóng các mối giao lưu kinh tế và đó cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến cho vùng hạ lưu sông Hằng trở thành trung tâm kinh tế quan trọng của Ấn Độ. Vốn có nhiều tiềm năng về nông nghiệp, thủ công nghiệp cư dân vùng sông Mẹ cũng đã sớm phát triển kinh tế thương nghiệp và hội nhập với mạng lưới giao thương liên Á.

Những phát hiện khảo cổ học đã đem lại nhiều thông tin xác thực về vai trò và hoạt động của thương mại cổ Thái Lan cũng như các hoạt động đa dạng khác trong giao lưu văn hoá. Việc phát hiện ra các con tàu đắm trong vùng vịnh Xiêm thực sự có ý nghĩa đối với nhiều ngành khoa học. Thông tin từ các con tàu đắm đã và đang đem lại những nhận thức chuẩn xác hơn về kỹ thuật đóng tàu, hoạt động kinh tế, sự phát triển của các ngành thủ công, đời sống xã hội, niềm tin tôn giáo cũng như truyền thống hướng biển, thương mại trên biển của nhiều lớp cư dân cổ[8]. Khảo cứu sản phẩm thương mại trong các con tàu đó đều thấy có ngà voi, da, chì, thiếc, gỗ quý... Ngoài ra, còn có gốm sứ Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan (Sangkhalok) cùng nhiều loại vật dụng khác. Hiện vật trong các con tàu đắm cho thấy nền thương mại cổ Thái Lan luôn có mối liên hệ rộng lớn với các vùng cung cấp nguyên liệu cũng như thị trường khu vực.

Trở lại với những mối giao thương truyền thống, có thể thấy trong khoảng thời gian từ thế kỷ III-VII, thời kỳ kiến dựng của nhiều quốc gia cổ Đông Nam Á, hầu hết các vương quốc đều có mối liên hệ mật thiết với các trung tâm kinh tế khu vực, quốc tế. Cùng với những trao đổi mang tính nội vùng, hoạt động giao thương khu vực còn được thúc đẩy bởi nhu

cầu tiêu dùng những sản phẩm xa xỉ phương Đông của các đế chế đồng thời là các trung tâm kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, La Mã, Ba Tư... *Vị trí địa lý trọng yếu, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm xa xỉ của thị trường quốc tế cùng sức hấp dẫn của các nguồn tài nguyên Đông Nam Á là những nguyên nhân chính yếu dẫn đến việc mở rộng hệ thống thương mại Đông Nam Á và biến khu vực này thành một trung tâm kinh tế có vai trò quan trọng trong hệ thống thương mại thế giới*. Trong điều kiện phương tiện đi biển còn nhiều thô sơ, các thuyền buôn của Ba Tư, Ấn Độ, Trung Quốc đã tuân theo chế độ gió mùa và các dải bờ biển để đến buôn bán với Đông Nam Á trong đó có các vương quốc cổ trên đất Thái.

Nguồn hương liệu, lâm, thổ, hải sản và cả nô lệ... đã được mua bán, trao đổi dọc theo các tuyến giao thương này. Các cuộc điều tra, khảo sát, nghiên cứu khảo cổ học ở Mantai, Anuradha Pura, Óc Eo, U Thong, Bản Don Taphet và một số di chỉ khu vực miền Nam Thái Lan đã chứng minh cho quan điểm đó[9]. Điều đáng chú ý là, trong các hiện vật phát hiện được vào những thế kỷ đầu SCN đã có những chế phẩm đặc thù có nguồn gốc từ Địa Trung Hải, Ấn Độ, Trung Quốc. Những phát hiện đó, cùng với số hiện vật tìm được ở Arikamedu và Begram thuộc Ấn Độ cổ đại, đã cung cấp thêm những thông tin khoa học xác thực về vị thế kinh tế của các vương quốc cổ ở Thái Lan.

Dọc theo các tuyến thương mại truyền thống ở bờ Đông của vịnh Bengal, phía Tây - Bắc vịnh Xiêm đặc biệt là khu vực eo Kra, các nhà nghiên cứu cũng đã tìm được một hệ thống những điểm đỗ, nơi chế tác, sửa chữa thuyền. Rõ ràng là, *những hoạt động giao thương nội vùng, ngoại vi đó đã góp phần hết sức quan trọng vào sự hưng thịnh của các vương quốc Thái Lan cũng như nhiều quốc gia cổ Đông Nam Á*. Để có phương tiện đi biển an toàn, hiệu quả kinh tế cao, cư dân Đông Nam Á đã sử dụng nhiều kỹ thuật đóng thuyền. Nhìn chung, thuyền Đông Nam Á có trọng tải không thật lớn nhưng luôn thể hiện khả năng thích ứng cao với môi trường biển khu vực. Cư dân cổ đã dùng gỗ tếch, gỗ sao có trữ lượng phong phú trong nhiều cánh rừng mưa nhiệt đới để đóng thuyền. Đến thế kỷ XV-XVI, trước ngưỡng cửa của sự giao lưu, tiếp xúc và dụng độ Đông - Tây dường như ở một số quốc gia khu vực đã đạt được bước tiến vượt trội về kỹ thuật hàng hải. Trong các hoạt động thương mại, loại thuyền có trọng tải lớn (*Jong*) từ 350 đến 500 tấn đã được sử dụng phổ biến[10].

Trong lịch sử, người ta vẫn nói về "*Con đường tơ lụa*" trên đất liền và trên biển. Thậm chí "*Con đường tơ lụa trên biển*" còn được gọi là "*Con đường biển vĩ đại*" (The Great sea road). Tuyến thương mại này xuất phát từ các cảng ven biển miền Nam Trung Quốc nối kết với hệ thống cảng vùng vịnh Bắc Bộ, dải biển đảo miền Trung với các cảng Champa rồi tập trung về vùng vịnh Xiêm (hay còn gọi là Biển Tây). Mặt khác, từ khoảng thế kỷ thứ IV-V đã dần hình thành hệ thống thương cảng trải dài từ vùng hạ lưu Chao Pharaya đến bán đảo Mã Lai. Tâm điểm kết tụ của hai tuyến giao thương Bắc - Nam, Đông - Tây đó đã gặp nhau ở vịnh biển này. Nhưng từ khoảng thế kỷ VI trở đi, tuyến hải thương quốc tế dần mở rộng xuống phía Nam vì thế vai trò của eo Kra cắt ngang qua bán đảo Mã Lai ngày một

bị suy giảm. Thương thuyền khu vực, quốc tế bắt đầu tập trung về eo biển Malacca để từ đó tiến đến vịnh Bengal cùng nhiều thương cảng vùng Tây Á. Như vậy, quan hệ thương mại Đông Nam Á luôn là một dòng chảy đa tuyến. Sự tham gia của các thương nhân Tây Nam Á cũng góp phần làm cho tuyến hải thương Đông - Tây qua các eo biển Malacca, Sunda thêm nhộn nhịp.

Cùng với sự hình thành của hệ thống cảng biển, các cảng sông cũng ngày càng trở nên có vai trò quan trọng trong việc nối kết ba không gian kinh tế: Biển - Châu thổ - Rừng núi. Với Thái Lan, tiêu biểu cho mối liên kết này là trung tâm thương nghiệp Satuk trên sông Mun ở miền Đông Bắc. Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, trung tâm thương nghiệp này được hình thành là do sự thịnh đạt của vùng sản xuất gốm xuất khẩu Buriam gần đó. Trong thời gian này, ở Thái Lan đã xuất hiện nhiều trung tâm gốm nổi tiếng như: Pa-O, Buriam, Sukhothay, Sisatchanalai... hay các vùng chuyên chế tác thuỷ tinh: Sathing Phra, Songkhla, Wat Rang (Nakhon Si Thammarat), Wat Vieng (Suratthani), và Prasat Muang Singha thuộc tỉnh Kanchanaburi.

Dựa trên những phát hiện khảo cổ học cũng như các bằng chứng khoa học khác, có thể thấy ở Thái Lan đã sớm hình thành mối liên hệ kinh tế, giao lưu văn hoá giữa những người bản địa sống ở miền Đông với miền Tây bán đảo. Chính bộ phận cư dân phía Tây, đất bản bộ của vương quốc Dvaravati, do có thể giao hòa với Ấn Độ Dương đã tiếp nhận nhiều nguồn hàng hóa, giá trị văn hoá Ấn và rồi chính họ lại truyền tải những thành tựu kinh tế, văn hoá đó đến các quốc gia khu vực. Trong khi đó, bộ phận cư dân phía Đông lại là những người vận chuyển hàng hoá từ Đông sang Tây bằng cả đường sông, đường bộ chạy xuyên qua các thung lũng. Một số tuyến trao đổi đó cho đến nay vẫn còn tồn tại. Dựa trên các nguồn tư liệu lịch sử và phát hiện khảo cổ học, nhà nghiên cứu người Thái Tharapong Srisuchat đã phác dựng lại các tuyến thương mại truyền thống hình thành trên đất Thái trước thế kỷ XVI. Giả thuyết đưa ra gồm 10 tuyến chính:

1. Thương nhân có thể từ vùng biển Andaman (thuộc vịnh Mataban, Myanmar) theo các tuyến sông Salaween, Mei sau đó vượt qua đèo Mae Sod thuộc tỉnh Tak rồi vận chuyển hàng đến miền Bắc Thái Lan. Những phát hiện khảo cổ học cho thấy có nhiều loại hàng hoá, trong đó có gốm sứ Trung Quốc, Miến Điện, Lanna và Sukhothay đã là những mặt hàng trao đổi quan trọng.

2. Tuyến thứ hai cũng từ biển Andaman trong vùng cảng Maulemean vịnh Mataban. Theo đó, thuyền buôn có thể đi vào sông Sami, hàng hoá được chở đến vùng Chedi Sam Ong (Ba ngôi chùa), rồi lại được tiếp tục chuyển đến các sông Kwae Noi và Kwae Yai thuộc tỉnh Kanchanaburi. Từ đây, thương nhân có thể toả đến vùng đồng bằng trung tâm Thái, đem hàng đến các tỉnh như Supanburi, Ratchaburi, Nakhon Pathom. Nhiều khả năng, từ tuyến thương mại này, hàng hoá cũng đã được đưa đến vịnh Xiêm, Campuchia, Việt Nam và miền Nam Trung Quốc. Trên tuyến giao thương đó, nhiều hiện vật nhập ngoại đã được phát hiện ở Phong Tuk, Bản Don Taphet thuộc tỉnh Kanchanaburi và di tích Don

Rakang thuộc tỉnh Suphanburi.

3. Từ biển Andaman, thương nhân có thể vượt qua vùng bán đảo hẹp nhất đó là eo Kra thuộc tỉnh Ranong đi ngược sông Kra Buri đến kênh Chan, sau đó vượt qua vùng đồi thuộc tỉnh Chumphon rồi dọc theo sông Chumphon đến vịnh Xiêm và các cảng miền Đông bán đảo. Trong các di chỉ được phát hiện, địa điểm Khao Sam Kaeo thuộc tỉnh Chumphon có vai trò quan trọng.

4. Từ biển Andaman, thuyền buôn đi qua đảo Phra Thong vào kênh Nang Yon. Từ đây, họ vượt qua vùng đồi Khuan Chalie thuộc vùng Chon Mining, sau đó đến sông Saeng. Tiếp đó thương nhân đến sông Phumduang, sông Ta Pi rồi vào vịnh Bandon tỉnh Suratthani. Dọc theo tuyến này có rất nhiều di chỉ như Phukhao Thong, Khao Kok, Chong Khrong, Khuan Thong, Tha Phak Nam Rob, Khao Srivichai và Khuan Phun Phin thuộc tỉnh Surat Thani.

5. Từ biển Andaman, qua đảo Ko Kho Khao thương nhân có thể thực hiện tuyến hải trình dọc sông Ta Kua Pa, vượt qua đèo Sok rồi đến sông Phumduang. Từ đây, đi dọc sông Ta Pi họ có thể dem hàng đến vùng Tây Bắc tức là đến vùng vịnh Ban Don. Các di chỉ khảo cổ học thuộc hệ thống sông này có Ko Kho Khao, Khuan Phra Nua, Khao Phra Narai và Tha Han thuộc tỉnh Phangna.

6. Từ biển Andaman đến miền Nam tỉnh Phangna vượt qua các tuyến đường bộ đến tỉnh Krabi, đi vào kênh Sin Pun đến sông Ta Pi rồi tiến đến vịnh Ban Don thuộc tỉnh Suratthani. Di chỉ khảo cổ học có ý nghĩa nhất là Khuan Luk Pat thuộc tỉnh Krabi, vùng Vieng Sa thuộc tỉnh Suratthani và vùng hang Phannara tỉnh Nakhon Si Thammarat.

7. Từ biển Andaman đến vùng Bắc của tỉnh Trang, thương nhân có thể vượt qua dải đất liền đến Nakhon Si Thammarat. Di chỉ khảo cổ học dọc theo tuyến này có Khao Sai thuộc tỉnh Trang. Sông Ta Rua có thể đưa họ đến vùng bờ biển phía Đông. Nhiều hiện vật đã được phát hiện ở khu vực này đó là di chỉ Ta Rua và Muang Phra Vieng thuộc tỉnh Nakhon Sri Thammarat.

8. Các đoàn thương mại có thể đi từ biển Andaman đến sông Sungai Muda sau đó đến vùng biên giới Thái Lan - Malaixia, theo hệ thống suối đến vùng Pattani. Các di chỉ liên quan đến tuyến thương mại này đã được phát hiện có Sungai Mas, Bujang, Kedah...

9. Dọc theo tuyến biên giới và các dãy núi giữa Thái Lan - Campuchia là tuyến vận chuyển gốm từ các lò sản xuất tỉnh Buriam cùng nhiều nguồn lâm sản khác. Đặc trưng của tuyến thương mại này là thương nhân phải vượt qua nhiều dãy núi cao như Bok, Ta Thao, Phra Plai, Chom... để đến được vùng đồng bằng Campuchia. Từ đó, hàng hoá lại tiếp tục đưa đến Việt Nam và Đông Nam Á. Nhiều khả năng, không ít trung tâm kinh tế - văn hoá trong khu vực đã theo tuyến thương mại này giao lưu với vùng Đông Bắc Thái.

10. Thương nhân có thể đi theo lưu vực Mekong đến các địa phương miền Bắc Thái Lan như Leoi, Nong Kai, Nakhon Phnom, Mukdahan, Ubon Rachathani. Có nhiều nền văn hóa, trung tâm văn minh đã hình thành dọc theo tuyến thương mại này như Pakse (Lào), Angkor (Campuchia), hay trước đó là óc Eo (Phù Nam) thuộc châu thổ Mekong (Việt Nam).

Nhìn chung, các di tích này có cùng niên đại với di tích khu vực miền Nam Thái[11].

Như vậy, đến khoảng thế kỷ XV, trên các vùng đất cổ của vương quốc Thái Lan hiện nay đã hình thành 10 tuyến giao thương chính yếu. Mặc dù cần phải khảo cứu, bổ sung thêm các tuyến giao thương trực tiếp từ Nam Ấn đến Thái Lan, Đông Nam Á qua vịnh Bengal nhưng các tuyến giao thương nói trên là những bộ phận quan trọng của các mối quan hệ vùng, liên vùng đồng thời chuẩn bị nền tảng thiết yếu cho sự phát triển của hệ thống thương mại Thái Lan nhiều thế kỷ sau./.

CHÚ THÍCH

1. Martin Stuart-Fox: *A Short History of China and Southeast Asia: Tribute, Trade and Influence*, Allen & Unwin, 2003, p.23-42.
2. Ian C. Glover: *The Southern Silk Road: Archaeological Evidence for Early Trade Between India and Southeast Asia*, The Silk Roads - Highways of Culture and Commerce, UNESCO Publishing, 2000, p.57.
3. Sakurai Yumio: *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á (Thông qua mối quan hệ giữa biển và lục địa)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4-1996, tr.37-55.
4. George Coedès: *The Indianized States of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1964, p.19-21.
5. Dẫn theo Ian C. Glover: *The Southern Silk Road: Archaeological Evidence for Early Trade Between India and Southeast Asia*, p.59.
6. Theo một số nguồn sử liệu, từ thời Chu nhiều sản phẩm xa xỉ như ngà voi, sừng tê, mai rùa, ngọc, lông chim trĩ... đã được đưa từ phía Nam đến kinh đô Trung Quốc. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đó chính là sản phẩm của người Việt và "Mã Lai". Xem Martin Stuart-Fox: *A Short History of China and Southeast Asia: Tribute, Trade and Influence*, Sđd, p.23.
7. *Lương thư*: Tư liệu Trung Quốc viết về Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á; Tư liệu Khoa Lịch sử, số LS-TL 0058, tr.50.
8. Theo nhà nghiên cứu Thái Lan Erbprem Vatcharangkul thì từ năm 1974 ở vùng biển Thái Lan đã có 52 thuyền đắm (*Shipwrecks*) được phát hiện. Phần lớn các thuyền đó có trọng tải tương đối lớn và đều có niên đại thế kỷ XVI-XVII. Trong số các thuyền đắm có 11 thuyền đã được khảo cứu kỹ càng. Xem *Underwater Archaeological Evidence from Shipwrecks of Siam*; in FY 2007 Report of Sakai-Asia Cultural Partnership Conference Collaborative Research Project, International Division, Sakai city, March 2008, p.71.
9. Ian C.Glover: *Beads and Bronzes: Archaeological Indicator of Trade between Thailand and Early Buddhist Civilization of Northern India*; in Karl Reinhold Haellquist (Ed.): Asian Trade Routes: Continental and Maritime, Scandinavian Institute of Asian Studies, 1991, p.117-141.
10. Pierre-Yves Manguin: *The Vanishing Jong: Insular Southeast Asian Fleets in Trade and War (Fifteenth to Seventeenth Centuries)*, in Anthony Reid: Southeast Asia in the Early Modern Era, Cornell University Press, 1993, p.198.
11. Tharapong Srisuchat: *Geological and Archaeological Expeditions in Thailand related to the Maritime Silk Route*; in *Ancient Trades and Cultural Contacts in Southeast Asia*, The Office of the National Culture Commission, Bangkok Thailand, 1996, p.133-235.